TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN PHÚ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 264/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25/7/2023
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;
2. Ông Nguyễn Quốc Thanh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thanh Trúc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Ông Chau San – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 300/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Võ Thanh T, sinh năm 1989; cư trú: 220/57 Đường T, khóm 4, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang. (có mặt)

Bị đơn: Ông Trần Hữu Y, sinh năm 1993; cư trú: Số nhà 110, tổ 13, ấp T, xã K, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Võ Thanh T trình bày: Bà và ông Trần Hữu Y do tự tìm hiểu thương yêu, được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh An Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 20/6/2020. Vì điều kiện việc làm, con nhỏ, ông Y lên ở trọ tại thành phố Hồ Chí Minh làm công ty, còn bà T sống cùng mẹ ruột phụ giúp gia đình và chăm lo con nhỏ.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cuộc sống vợ chồng xa cách cộng với áp lực kinh tế, công việc, khác biệt môi trường sống, bất đồng quan điểm. Cả hai đã ly thân và không còn sống chung. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Y.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nguyễn Thanh V, sinh ngày 29/10/2020, hiện cháu V được bà T nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông Y cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Y không có mặt theo các văn bản triệu tập của Tòa nên không ghi nhận được ý kiến; ôngÝ cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Theo Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư Công an xã Khánh An cung cấp ngày 20/6/2023, ông Trần Hữu Y, sinh năm 1993, hiện vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ: Số nhà 110, tổ 13, ấp T, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

Biên bản xác minh ngày 20/6/2023 do Tòa án thu thập, người thân của ông Trần Hữu Y xác định ông Y có nhận được Thông báo của Tòa án, biết việc bà T ly hôn và cũng đồng ý nhưng do đi làm xa không đến Tòa án được. Hôn nhân giữa bà T và ông Y mâu thuẫn, cả hai cãi nhau, hiện đã sống ly thân và không còn tình cảm; về con chung có 01 con chung đang sống với T; về tài sản chung, nợ chung của T và Y thì bà không biết.

Tại phiên tòa: Bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Riêng ông Y đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Y theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn về hôn nhân có căn cứ nên đề nghị chấp nhận. Đối với tài sản chung ông Y vắng mặt nếu sau này ông Y chứng minh về tài sản chung thì sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Võ Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Hữu Y. Đồng thời, ông Y cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Ông Y được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Y theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Y có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông Y, Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân giữa bà T, ông Y đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, đều này phù hợp với Biên bản ghi lời khai với người làm chứng do Tòa án thu thập được. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ cho cả hai nhưng ông Y không có mặt để hàn gắn. Cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa hai bên đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Nguyễn Thanh V, sinh ngày 29/10/2020, hiện cháu V được bà T nuôi dưỡng. Do đó, để tránh xáo trộn về mặt tâm, sinh lý đối với con chung và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên nên Hội đồng xét xử để con chung cho bà T tiếp tục nuôi dạy.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn cha hoặc mẹ là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, bà T không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của đương sự.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên, nếu ông Y có căn cứ xác định có tài sản chung, nợ chung thì có thể khởi kiện và sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[6] Về án phí: Bà T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông Y không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Các Điều 9, Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 4 Điều 147, các Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Võ Thanh T.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Võ Thanh T được ly hôn với ông Trần Hữu Y.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 81 ngày 20/6/2020 của Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà Nguyễn Võ Thanh T được tiếp tục nuôi dạy 01 (một) con chung tên Trần Nguyễn Thanh V, sinh ngày 29/10/2020. Công nhận sự tự nguyện của bà T về việc không yêu cầu ông Y cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Y cùng các thành viên gia đình phải tôn trọng quyền trực tiếp nuôi con của bà T. Ngược lại bà T và các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Y trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Nguyễn Võ Thanh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008293 ngày 10/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Bà T đã nộp đủ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/7/2023) bà T được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông An là 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (2);
- Chi cục THADS huyện An Phú (1);
- Lưu văn phòng (1);
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Chúc Phương